

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *60* /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày 20 tháng 9 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch tại Công văn số 164/TTYT ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của cơ sở Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 367/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch, địa chỉ tại thôn Hòa Bình, xã Quảng Trạch, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch với các nội dung như sau: ✓

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Hòa Bình, xã Quảng Trạch và thôn Phúc Kiêu, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Quyết định thành lập số 273/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3100544672.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám và chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích của cơ sở: 30.240 m².

- Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất hoạt động: 150 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 28 tháng 02 năm 2035.

Giấy phép môi trường số 11/GPMT-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Quảng Trạch hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Quảng Trạch, UBND xã Hòa Trạch và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND xã Quảng Trạch;
- UBND xã Hòa Trạch;
- TT Y tế khu vực Quảng Trạch;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 20 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt;
- Nguồn số 02: Nước thải y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe nước cách cơ sở 50m về phía Đông Bắc thuộc thôn Phúc Kiều, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị (thôn Phúc Kiều, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cũ).

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,2) từ đây nước thải theo đường ống PVC D250mm vào khe nước cách cơ sở 50m phía Đông Bắc tại thôn Phúc Kiều, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại khe nước của khu vực thuộc thôn Phúc Kiều, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰ múi chiều 3⁰): X(m) = 1975351,2; Y(m) = 545879,1.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 73,2 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Theo chế độ tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,2), với các giá trị giới hạn cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép C _{max} (Cột B, K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH		6,5 - 8,5	
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	
3	COD	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	

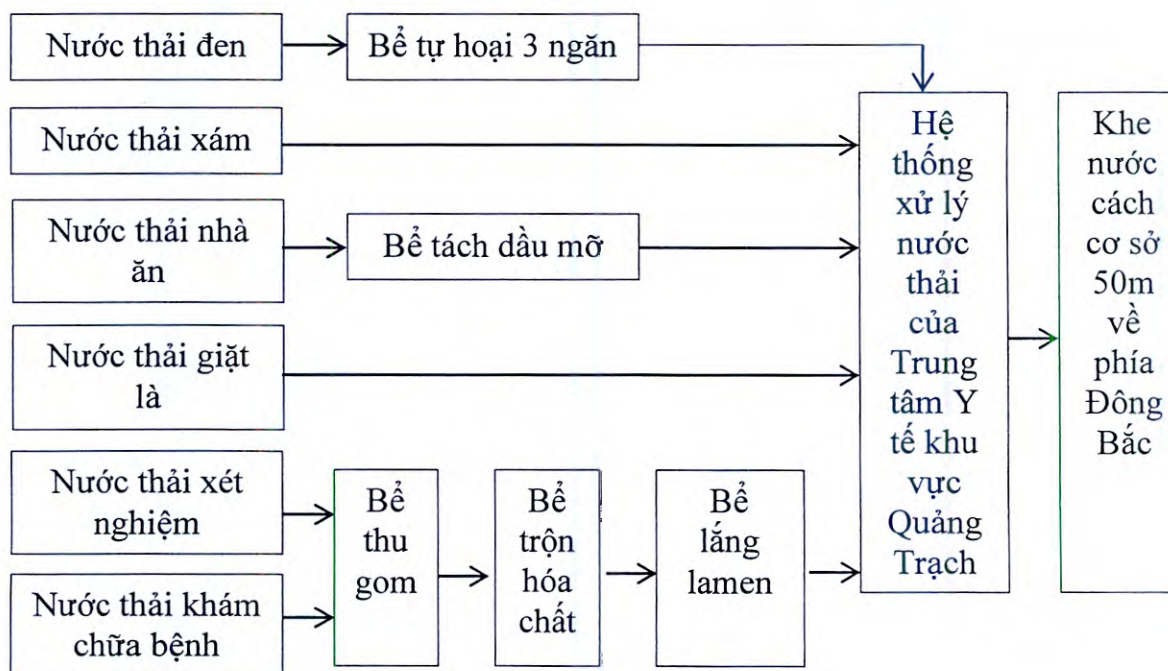
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

Kể từ ngày 01/01/2032 áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để dẫn về hệ thống xử lý nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (14 bể tự hoại 3 ngăn: nhà điều hành 1 bể tự hoại thể tích 17,47m³; nhà ăn nhà dinh dưỡng 1 bể tự hoại thể tích 10,41m³; nhà đại thể 1 bể tự hoại thể tích 10,41m³; nhà khám và điều trị ngoại trú 3 bể tự hoại thể tích 9,2m³; nhà kỹ thuật nghiệp vụ 3 bể tự hoại thể tích 9,2m³; nhà điều trị nội trú sản nhi 2 bể tự hoại thể tích 10,41 m³; nhà được thiết bị y tế 2 bể tự hoại thể tích 16,4m³; nhà giặt chống nhiễm khuẩn 1 bể tự hoại thể tích 16,4m³) → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải xám → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ (3,47m³) → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải giặt là → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải xét nghiệm → Bể thu gom → Bể trộn hóa chất → Bể lắng lamen → Hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải khám chữa bệnh → Bể thu gom → Bể trộn hóa chất → Bể lắng lamen → Hệ thống xử lý nước thải.

- Tóm tắt quy trình xử lý hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → Bể thu gom → Bể trộn hóa chất → Bể lắng lamen → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí kết hợp MBR → Hồ ga sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Men vi sinh, Clo.

- Công suất thiết kế: 75 m³/ngày đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025.

2.1. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.1.1. Vị trí lấy mẫu:

Hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải.

2.1.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.2. Tần suất lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành thử nghiệm với tần suất 01 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Yêu cầu chủ cơ sở phải thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo đúng quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức cán bộ công nhân trong công tác bảo vệ môi trường để không làm chất thải rắn tắc nghẽn, hư hỏng đường ống thoát nước của cơ sở.

Phụ lục 2

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **60** /GPMT-UBND
ngày **26** tháng **9** năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Tiếng ồn phát sinh từ các động cơ xe, phương tiện ra vào cơ sở.
- Tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ thiết bị hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.
2. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn.
3. Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.
4. Bố trí khu vực để xe xa khu vực khám, chữa bệnh nhằm giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến bệnh nhân.
5. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

(Kể từ ngày 01/01/2027 áp dụng theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung). ✓

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải nguy hại phát sinh tại Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch		
1.1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	1.040
1.2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	2
1.3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
1.4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	6
II	Chất thải nguy hại thu gom từ các cơ sở y tế trong cụm		
2.1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	960
Tổng cộng			2.010

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	3
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	3
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	3
4	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	19 12 03	3
Tổng cộng			12

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bùn thải từ bể xử lý nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 182,5kg/năm sẽ được lưu giữ tại bể chứa bùn.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: ✓

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn có khả năng tái chế (giấy vụn, vỏ lon, vỏ hộp, bì carton...)	3.650
2	Chất thải không tái chế (thức ăn thừa, vỏ củ, quả...)	18.250
Tổng cộng		21.900

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng màu vàng có nắp đậy (25 lít, 100 lít), các hộp kháng thùng màu vàng có nắp đậy (5 lít) tại các khoa, phòng để thu gom chất thải nguy hại lây nhiễm. Trang bị các thùng màu đen có nắp đậy (25 lít, 100 lít) để thu gom các loại chất thải nguy hại không lây nhiễm.

- Quy cách: Bố trí 3 thùng màu vàng có nắp đậy loại 100 lít, 1 thùng màu vàng có nắp đậy loại 240 lít, 1 thùng màu đen loại 100 lít, 1 thùng màu đen loại 240 lít đặt tại nhà kho để tiếp nhận và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Tất cả các thùng làm bằng chất liệu HDPE.

- Cấu tạo: Hình trụ, có nắp đậy kín, dán nhãn CTNH theo đúng quy định.

- Khả năng lưu chứa: 97 kg/ngày.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 13m².

- Thiết kế cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường, mái che, biển báo, nền bảo đảm không bị ngập lụt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức thu gom và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo đúng quy định với tần suất đảm bảo (01 - 02 lần/1 tuần) tùy thuộc vào mức độ phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát tại Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Quy cách: 1 thùng 100 lít để thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Cấu tạo: Có nắp đậy, có dán nhãn.

- Khả năng lưu chứa: 12kg/ngày.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 13m².

- Thiết kế cấu tạo: Khu vực lưu chứa có nền bê tông, mái che bằng tôn, có biển báo, bảo đảm không bị ngập lụt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng có nắp đậy (loại 25 lít, 100 lít) đặt tại các khoa, phòng để thu gom, phân loại chất thải rắn thông thường.

- Bố trí các thùng có nắp đậy (loại 240 lít) tại khu vực lưu chứa để tiếp nhận và lưu giữ chất thải rắn thông thường.

- Cấu tạo: Hình trụ, có nắp đậy kín, nhựa HDPE, không bị rò rỉ.

- Khả năng lưu chứa: 90kg/ngày.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 20m².

- Thiết kế cấu tạo: Khu vực lưu chứa có biển báo, nền bảo đảm không bị ngập lụt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải được phân loại theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án, phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại khoản 1 Điều 122, khoản 3 Điều 124, khoản 1 Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. ✓

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Chất thải rắn thông thường phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. ✓